TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thị Bình
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyến
Ông Nguyễn Duy Khải
- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hảo -Thư ký Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐHPT-TA ngày 30-3-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Bị đơn: Ông Bùi Đức G, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn Phú L, xã Phú R, huyện R, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D trình bày***:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và Ông Bùi Đức G tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-01-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phú R, huyện Bù Gia M (cũ) nay là huyện R, tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông G ham chơi, không lo làm ăn dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; không quan tâm, lo lắng con chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông Bùi Đức G.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giữa Bà D và ông G có hai con chung là Bùi Gia B, sinh năm 2010 và Bùi Phú D, sinh năm 2019. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Bùi Gia B, sinh năm 2010 và Bùi Phú D, sinh năm 2019 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Ông Bùi Đức G*:***

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 143/2022/TBTL-HNGĐ ngày 01-11-2022 cho Ông Bùi Đức G nhưng không thực hiện được việc tống đạt. Theo xác minh tại xã Phú R, ông G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn ở đâu, làm gì không rõ. Tại thời điểm Tòa án thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng, Ông Bùi Đức G vắng mặt nên không thực hiện được việc cấp, tống đạt. Căn cứ Điều 173, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Bùi Đức G cũng không liên hệ với Tòa án để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước phát biểu: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với Ông Bùi Đức G và yêu cầu về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Ông Bùi Đức G có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn Phú L, xã Phú R, huyện R, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện R xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt. Ông Bùi Đức G vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện R căn cứ khoản 4 Điều 207; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]*Về nội dung vụ án*:

[a] Xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa Bà D và ông G được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú R, huyện Bù Gia M, nay là huyện R, đúng theo quy định pháp luật, là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị D, bà và ông G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã sống ly thân. Theo cung cấp thông tin của chính quyền địa phương nơi ông G, Bà D sinh sống được biết thời điểm Tòa án xác minh vợ chồng ông G không cùng chung sống, ông G đi làm ở đâu không rõ, giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn hay không địa phương không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để ông G biết về việc giải quyết vụ án và trình bày quan điểm, ý kiến, yêu cầu khi Tòa án giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Sự kiện ông G, Bà D sống ly thân cũng thể hiện sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân. Căn cứ lời trình bày của Bà D về mâu thuẫn, lý do ly thân đồng thời Bà D cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn có đủ cơ sở xác định hôn nhân của ông G, Bà D đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn.

[b] Xét yêu cầu về nuôi con: Ông G hiện không có mặt tại địa phương, không trình bày quan điểm, nguyện vọng về con chung. Xét thấy, hiện nay các con chung là cháu Bùi Gia B và Bùi Phú D đang chung sống cùng Bà D. Các cháu phát triển tốt, điều kiện sinh sống, học tập ổn định và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà D về việc nuôi con chung, giao con chung là các cháu Bùi Gia B, sinh năm 2010 và Bùi Phú D, sinh năm 2019 cho Bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 56; 81; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với Ông Bùi Đức G

[2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao các con chung là cháu Bùi Gia B, sinh năm 2010 và Bùi Phú D, sinh năm 2019 cho Bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015886 ngày 01-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Bà D đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị D và Ông Bùi Đức G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã Long Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Bình